

Số: 357/BC-TTYT

Ninh Phước, ngày 18 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả tự kiểm tra, đánh giá Chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế và Bệnh viện an toàn phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp năm 2022

Căn cứ Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành “Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện”;

Căn cứ Quyết định số 3088/QĐ-BYT ngày 16/7/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ Tiêu chí Bệnh viện an toàn phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp (Phiên bản 2.0);

Căn cứ Quyết định số 3186/QĐ-BYT ngày 29/11/2022 của Bộ Y tế về việc Ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2022;

Thực hiện công văn số 1258/KH-SYT ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Sở Y tế Ninh Thuận về việc kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2022.

Trung tâm Y tế Ninh Phước báo cáo tóm tắt kết quả tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế và Bệnh viện an toàn phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp năm 2022 như sau:

I. TỔNG QUAN

1. Bộ máy tổ chức

- Bệnh viện xếp Hạng III với tổng số giường theo kế hoạch là 110 giường (thực kê: 143); Ban Lãnh đạo bệnh viện gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; Bệnh viện gồm 04 phòng chức năng, 12 khoa trực thuộc.

2. Nhân lực năm 2022

Tổng số cán bộ viên chức: 146. Trong đó:

- Bác sĩ : 28 (Bs CKII: 01; Bs CKI: 10; Bs: 17)
- Y sĩ : 20
- Điều dưỡng : 51 (ĐH: 33; CĐ: 10; TC: 8)
- Nữ hộ sinh : 08 (ĐH: 04; CĐ: 01; TC: 02; SC: 01)
- Dược sĩ : 09 (ĐH: 05; CĐ: 04)
- KTV : 09 (ĐH: 06; CĐ: 02; TC: 01)
- Cán bộ khác : 21 (ĐH: 16, CĐ: 02; TC: 01, SC: 02)

3. Công tác khám chữa bệnh năm 2022

- Tổng số lần khám bệnh: 193.523 lượt tăng 32.542 lượt so 2021, trong đó:
 - + Tuyến huyện: 116.294 lượt, tăng 17.658 lượt so năm 2021.
 - + Trạm Y tế : 77.229/62.345 lượt tăng 14.884 lượt so năm 2021.

- Tổng số lượt bệnh điều trị nội trú: 4.466 lượt tăng 972 lượt (21%) so năm 2021.
- Công suất sử dụng giường bệnh đạt 53,3% (năm 2021: 45%)
- Trong năm 2022 đã triển khai thêm 05 kỹ thuật cận lâm sàng mới:

1) Xung điện

2) Điện phân dẫn thuốc

3) Nội soi cổ tử cung

4) Mổ răng khôn mọc lệch

5) Xét nghiệm HBeAb đánh giá sự hoạt động của virus viêm gan B

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở đã được Sở Y tế công nhận: 03 đề tài

II. TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA

❖ Nội dung 1: Kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện

1. Kết quả chung

- Tổng số các tiêu chí được áp dụng đánh giá: 83/83 Tiêu chí
- Tỷ lệ Tiêu chí áp dụng so với 83 Tiêu chí : 100%
- Tổng số điểm của các Tiêu chí áp dụng : 281 Điểm (có hệ số: 302)
- Điểm Trung bình chung của các Tiêu chí : 3,36 Điểm

Kết quả chung chia theo mức, so sánh với năm 2021

Kết quả	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Mức 5	
	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
Số lượng TC	01	0	12	11	38	34	29	33	03	05
Tỷ lệ các TC (%)	1.20	0.00	14.46	13.25	45.78	40.96	34.94	39.76	3.61	6.02

2. Kết quả kiểm tra, đánh giá chi tiết

(Phụ lục I: Bảng điểm tự kiểm, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2022)

3. Tự đánh giá về các ưu điểm, nhược điểm và các vấn đề tồn tại

3.1. Ưu điểm

- Trong năm 2022 BV Ninh Phước tiếp tục duy trì giữ mức các tiêu chí đã đạt được năm 2021.

- Đầu tư bổ sung thêm nhiều trang thiết bị, tài sản nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khám chữa bệnh cho bệnh nhân, đặc biệt là khu cách ly điều trị bệnh nhân Covid-19 (120 giường).

- Xây dựng Kế hoạch 5 năm và Đề án nâng bệnh viện hạng II trình Sở Y tế phê duyệt.

- Nhân viên y tế được đào tạo liên tục, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng ứng xử, giao tiếp và y đức.

- Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế cũng được quan tâm và cải thiện hơn.

- Bệnh viện luôn đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực quản lý, luôn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận.

- Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ việc thực hiện vệ sinh tay của nhân viên các khoa phòng qua phần mềm quản lý vệ sinh tay.

- Tham gia ngoại kiểm cho các loại xét nghiệm theo định kỳ, đầy đủ.

- Bảo đảm cung cấp đầy đủ thuốc, vật tư y tế tiêu hao trong và ngoài danh mục cho người bệnh nội trú, vật tư y tế và phương tiện phòng hộ phục vụ điều trị bệnh nhân Covid-19.

- Nhân viên của tổ quản lý chất lượng tham gia các lớp đào tạo về quản lý chất lượng và có chứng chỉ đạt trên 80%.

- Hoàn thành 60% các chỉ số chất lượng đã nêu trong bản kế hoạch cải tiến chất lượng chung của toàn bệnh viện.

3.2. **Khuyết điểm, vấn đề tồn tại**

Một số vấn đề tồn tại từ năm 2022 chưa khắc phục được như:

- Công suất sử dụng giường năm 2022 đạt: 53,3% (năm 2021: 45%) tăng so với cùng kỳ.

- Hệ thống xử lý nước thải chưa đảm bảo hoạt động tốt.

- Triển khai thực hiện các kỹ thuật theo đúng phân tuyến chiếm tỷ lệ vẫn còn thấp < 60%

- Tổ chức thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế chưa được thiết lập đầy đủ.

- Phụ trách dinh dưỡng chưa có chuyên môn về ngành y nên chưa đánh giá về tình trạng dinh dưỡng, chế độ ăn ghi trong hồ sơ bệnh án.

- Công tác báo cáo sai sót sự cố y khoa chưa hoạt động tích cực và hiệu quả.

- Chưa có giường bệnh cho người bệnh có nguy cơ trượt ngã cao (trẻ em, người cao tuổi) có thanh chắn ngừa.

❖ **Nội dung 2: Khảo sát sự hài lòng người bệnh và nhân viên y tế**

1. **Kết quả khảo sát sự hài lòng người bệnh ngoại trú, nội trú**

1.1. **Sự hài lòng người bệnh ngoại trú**

- Đối tượng khảo sát: Người bệnh và thân nhân người bệnh đến khám tại khoa Khám bệnh.

- Số người bệnh khảo sát: 474 người bệnh

- Kết quả khảo sát:

Stt	Loại thống kê	Năm 2022
1	Tổng điểm TB người dùng chọn từ A → E	4,09
2	Tỉ lệ hài lòng chung	93,93%
3	Tỉ lệ hài lòng so với mong đợi	88,32%
4	Tỉ lệ người bệnh sẽ quay trở lại	99,78%
5	Chỉ số hài lòng toàn diện	71,94 %

1.2. Sự hài lòng người bệnh nội trú

- Đối tượng khảo sát: Người bệnh tại các khoa nội trú.
- Số lượng khảo sát: 586 người.
- Kết quả khảo sát:

Stt	Loại thống kê	Năm 2022
1	Tổng điểm TB người dùng chọn từ A → E	4,14
2	Tỉ lệ hài lòng chung	87,22%
3	Tỉ lệ hài lòng so với mong đợi	89,81%
4	Tỉ lệ người bệnh sẽ quay trở lại	98,63%
5	Chỉ số hài lòng toàn diện	68,08%

1.3. Sự hài lòng người mẹ sinh con tại bệnh viện

- Đối tượng khảo sát: Người mẹ sinh con
- Số lượng khảo sát: 48 người.
- Kết quả khảo sát:

Stt	Loại thống kê	Năm 2022
1	Tổng điểm TB người dùng chọn từ A → E	4,05
2	Tỉ lệ hài lòng chung	83,96%
3	Tỉ lệ hài lòng so với mong đợi	90,33
4	Tỉ lệ người bệnh sẽ quay trở lại	100%
5	Chỉ số hài lòng toàn diện	27,08 %

2. Kết quả khảo sát hài lòng của nhân viên y tế

- Đối tượng khảo sát: Viên chức, người lao động công tác tại các khoa, phòng.
- Số lượng khảo sát: 166 người.
- Kết quả khảo sát:

Stt	Loại thống kê	Năm 2022
1	Tổng điểm TB người dùng chọn từ A → E	3,86
2	Tỉ lệ hài lòng chung	70,70%
3	Tỉ lệ sẽ gắn bó làm việc tại bệnh viện lâu dài	80,72%
4	Tỉ lệ mức độ hài lòng nói chung về lãnh đạo bệnh viện	77,71%

❖ **Nội dung 3: Kiểm tra công tác an toàn phòng chống dịch covid-19.**

1. Kết quả chung:

- Tổng số các tiêu chí được áp dụng đánh giá: 37/39 Tiêu chí
- Tỷ lệ Tiêu chí áp dụng so với 37 Tiêu chí : 94,8%
- Tổng số điểm không áp dụng cho BV : 07 điểm (TC 5.7 và TC 7.3)
- Tổng số điểm đạt của các Tiêu chí áp dụng : 149 điểm
- Tỷ lệ đạt : 95,5 %

- Phân loại : Bệnh viện an toàn

(Phụ lục: Bảng điểm tự kiểm tra đánh giá Bệnh viện an toàn phòng chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp năm 2022)

2. Tự đánh giá về các ưu điểm, nhược điểm và các vấn đề tồn tại

2.1. Ưu điểm

- Đã kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống dịch và các tổ công tác của bệnh viện.
- Chuẩn bị đầy đủ các phương án ứng phó với tình huống dịch bệnh khi công bố dịch.
- Tập huấn cho toàn bộ nhân viên về các quy trình phòng, chống dịch bệnh phù hợp với vị trí làm việc.
- Thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa chung như: Đeo khẩu trang, vệ sinh tay trong bệnh viện...
- Chuẩn bị các cơ sở vật chất phục vụ việc sàng lọc và phân luồng bệnh nhân như: Hệ thống biển báo sàng lọc, phân luồng, kiểm tra thân nhiệt, bàn tiếp nhận và phân loại người bệnh, bố trí buồng khám sàng lọc, buồng cách ly cho ca bệnh nghi ngờ...
- Phòng ngừa lây nhiễm một số khu vực tập trung đông người như: Khu vực chờ, xếp hàng khám bệnh, lấy mẫu xét nghiệm, CDHA, quầy thu viện phí...
- Quản lý an toàn người bệnh và người nhà người bệnh. Hạn chế tối đa lây nhiễm trong bệnh viện...
- Quản lý, theo dõi sức khỏe nhân viên y tế bằng công nghệ thông tin.
- Khu vực, vị trí có nhiều người qua lại như cổng, tiền sảnh đã có lắp đặt bình chứa dung dịch nước sát khuẩn tay nhanh loại cảm ứng tự động.

2.2. Vấn đề tồn tại

- Định kì hàng quý chưa có kiểm tra, rà soát đánh giá nhu cầu tập huấn liên quan phòng chống dịch.
- Chưa có kế hoạch tổ chức tập huấn về hồi sức tích cực cơ bản cho bác sĩ, điều dưỡng các khoa lâm sàng.
- Kế hoạch đặt lịch hẹn khám qua mạng mới triển khai chưa có hiệu quả.
- Căng-tin và Nhà thuốc chưa triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.
- Chưa triển khai chăm sóc toàn diện cho toàn bộ người bệnh chăm sóc cấp I tại toàn bộ các khoa.
- Chưa thành lập khoa hồi sức tích cực cho người bệnh Covid-19 nặng.

III. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG NĂM 2023

- Tiếp tục cải tiến chất lượng theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện phiên bản 2.0 và Bộ tiêu chí Bệnh viện an toàn phòng chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp.

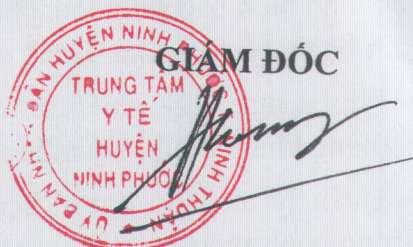
- Cải tiến khắc phục những tồn tại nêu trên.
- nỗ lực duy trì các mức mà các tiêu chí đã đạt được, không để xuống mức.
- Phân đầu giảm các TC mức 2, đồng thời nâng các TC lên mức 4 và mức 5.
- Nâng cao chất lượng lâm sàng, phát triển các kỹ thuật theo đúng phân tuyến kỹ thuật; triển khai thực hiện các kỹ thuật mới; thường xuyên sinh hoạt khoa học, bình bệnh án, bình đơn thuốc, phiếu chăm sóc định kỳ hàng tháng.
- Quan tâm nhiều hơn về kiểm soát chống nhiễm khuẩn, xử lý chất thải.
- Khuyến khích viên chức tự nguyện báo cáo sự cố, sai sót chuyên môn, ngăn ngừa các nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kỹ năng giao tiếp của nhân viên, nâng cao năng lực thực hiện chuyên môn, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Nâng cao công suất sử dụng giường bệnh đạt trên 80%.

Xây dựng kế hoạch triển khai Bộ tiêu chí “Bệnh viện An toàn phòng, chống dịch COVID-19 và các bệnh viêm đường hô hấp cấp” phiên bản 2.0.

Trên đây là kết quả tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện, khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế và Bệnh viện an toàn phòng chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp năm 2022./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Đoàn Kiểm tra;
- Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, KHN-TC.



BS CKII. Quảng Đại Hương

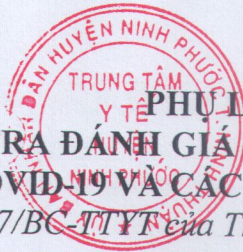


PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2022
(Đính kèm Báo cáo số: 357/BG-TTCT của Trung tâm Y tế Ninh Phước ngày 18/4/2023)

Mã số	Nội dung tiêu chí	Đoàn KT đánh giá 2021	Bv tự đánh giá 2022
A	PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)		
A1	A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)		
A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể	4	4
A1.2	Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	3	3
A1.3	Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	4	4
A1.4	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	3	3
A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	4	4
A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	3	3
A2	A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)		
A2.1	Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường	4	4
A2.2	Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện	4	4
A2.3	Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt	4	4
A2.4	Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý	3	3
A2.5	Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện	3	3
A3	A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)		
A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	4	4
A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp	3	3
A4	A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)		
A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	4	4
A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân	4	4
A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	4	4
A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế	3	3
A4.5	Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	4	4
A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	3	4↑
B	PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)		
B1	B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)		
B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	3	3
B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	2	2
B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện	4	4
B2	B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)		
B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	3	3
B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	3	4↑
B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	4	4
B3	B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)		
B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	3	3

B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế	5	5
B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	4	5↑
B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế	4	4
B4	B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)		
B4.1	Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	1	3↑
B4.2	Triển khai văn bản của các cấp quản lý	3	4↑
B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3	3
B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	3	5↑
C	PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)		
C1	C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)		
C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	3	4↑
C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ	3	3
C2	C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)		
C2.1	Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học	4	4
C2.2	Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học	4	4
C3	C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)		
C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	3	3
C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	3	3
C4	C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)		
C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	3	3
C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4	4
C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay	4	4
C4.4	Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	2	2
C4.5	Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	3	3
C4.6	Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	2	2
C5	C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)		
C5.1	Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật	2	2
C5.2	Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới	4	4
C5.3	Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng	3	3
C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị	3	3
C5.5	Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện	2	3↑
C6	C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)		
C6.1	Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả	3	3
C6.2	Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị	4	4
C6.3	Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện	3	3
C7	C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)		
C7.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	2	2
C7.2	Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	2	2

C7.3	Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện	2	2
C7.4	Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	4	4
C7.5	Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện	2	2
C8	C8. Chất lượng xét nghiệm (2)		
C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh	3	3
C8.2	Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm	3	3
C9	C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)		
C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược	3	3
C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược	3	3
C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	4	4
C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	3	3
C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng	4	4
C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả	3	3
C10	C10. Nghiên cứu khoa học (2)		
C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	2	2
C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh	3	3
D	PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)		
D1	D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)		
D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện	5	5
D1.2	Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện	4	4
D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng	3	4↑
D2	D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)		
D2.1	Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	3	3
D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục	3	3
D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	3	3
D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	3	3
D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	2	2
D3	D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)		
D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	5	5
D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	4	4
D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện	4	4
E	PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA		
E1	E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)		
E1.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh	2	2
E1.2	Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh	4	4
E1.3	Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF	4	4
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	3	3



PHỤ LỤC II
KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ BỘ TIÊU CHÍ BỆNH VIỆN AN TOÀN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 VÀ CÁC DỊCH BỆNH VIÊM ĐƯỜNG HÔ HẤP CẤP
(Kèm theo Báo cáo số: 357/BC-TTYT của Trung tâm Y tế Ninh Phước ngày 18/4/2023)

Chương và tiêu chí	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm tự chấm
CHƯƠNG 1	Xây dựng kế hoạch phòng chống dịch (4 TC)	15	15
TC 1.1	Xây dựng, kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống dịch (3điểm)*	3	3
1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống dịch kịp thời theo các diễn biến dịch.	1	1
2	Cập nhật, điều chỉnh quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của các Tổ giúp việc và các thành viên theo các diễn biến dịch.	1	1
3	Tổ giúp việc và các thành viên triển khai công việc đầy đủ theo phân công của Ban chỉ đạo.	1	1
TC 1.2	Tuân thủ chế độ báo cáo dịch (4điểm)*	4	4
1	Xây dựng hệ thống thống kê, báo cáo của nội bộ bệnh viện	1	1
2	Có cơ sở dữ liệu luôn sẵn sàng báo cáo về các thông tin liên quan đến bệnh dịch khi được yêu cầu	1	1
3	Báo cáo đầy đủ và kịp thời theo các yêu cầu thường xuyên và đột xuất của các cơ quan quản lý.	1	1
4	Báo cáo đầy đủ các yêu cầu của cơ quan quản lý về công tác phòng chống dịch, Bộ tiêu chí bệnh viện an toàn, công tác thu dung, điều trị, hồi sức tích cực... khi được yêu cầu.	1	1
TC 1.3	Chuẩn bị chi tiết kế hoạch, phương án ứng phó khi dịch bệnh xảy ra trong bệnh viện (5điểm)*	5	5
1	Có kế hoạch, phương án ứng phó khi dịch xảy ra trong bệnh viện.	1	1
2	Kế hoạch, phương án được xây dựng chi tiết, đầy đủ các nội dung phân công công việc, khung thời gian hoàn thành, quá trình thực hiện, dự trù kinh phí, giám sát thực hiện.	1	1
3	Có kế hoạch, phương án chi tiết phân ca kíp, chia nhóm làm việc, chuyên viện, chuyên tuyến.	1	1
4	Có kế hoạch, phương án chi tiết duy trì điều trị người bệnh mạn tính, chạy thận nhân tạo, phẫu thuật...	1	1
5	Có kế hoạch, phương án chi tiết ứng dụng kết nối trực tuyến để họp, giao ban, hội chẩn.	1	1
TC 1.4	Chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, vật tư phòng, chống dịch bệnh (3 điểm)*	3	3
1	Có dự trù và mua sắm trang thiết bị, vật tư phòng, chống dịch.	1	1
2	Dự trù đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu theo các quy định hiện hành.	1	1
3	Dự trù đầy đủ trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu theo các quy định hiện hành.	1	1
CHƯƠNG 2	ĐÀO TẠO VÀ TẬP HUẤN (2 TC)	8	8
TC 2.1	Tập huấn các nội dung liên quan phòng chống dịch (5điểm)*	5	5
1	Tổ chức triển khai, tập huấn đầy đủ các hướng dẫn của Bộ Y tế về khám sàng lọc, chẩn đoán và điều trị COVID-19 hoặc dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1

2	Định kỳ (từ 3 đến 6 tháng) kiểm tra, rà soát, đánh giá nhu cầu tập huấn liên quan phòng chống dịch.	1	1
3	Tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn và kỹ năng sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân theo nhu cầu và dựa trên kết quả kiểm tra, rà soát, đánh giá.	1	1
4	Tập huấn kỹ năng hồi sinh tim phổi cho người bệnh có bệnh đường hô hấp theo nhu cầu và dựa trên kết quả kiểm tra, rà soát, đánh giá.	1	1
5	Có tổ chức tập huấn về hồi sức tích cực cơ bản cho bác sỹ, điều dưỡng các khoa lâm sàng.	1	1
TC 2.2	Đào tạo nhân lực dự bị trong trường hợp thiếu hụt nhân lực chính do dịch bệnh (3điểm)	3	3
1	Có kế hoạch huy động nhân lực dự bị, trong đó có danh sách nhân lực dự bị.	1	1
2	Có kế hoạch tập huấn, đào tạo cho nhân lực dự bị.	1	1
3	Đã tiến hành tập huấn, đào tạo lĩnh vực chuyên môn cần huy động trong tình huống dịch (sử dụng máy thở, lấy mẫu và vận chuyển bệnh phẩm).	1	1
CHƯƠNG 3	CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA CHUNG (3 TC)	12	12
TC 3.1	Quy định kiểm soát việc đeo khẩu trang trong bệnh viện (2điểm)*	2	2
1	Có hướng dẫn dưới các hình thức truyền thông khác nhau như áp-phích, băng rôn, ti-vi nhắc mọi người phải đeo khẩu trang trong BV.	1	1
2	Tất cả nhân viên đều có trách nhiệm nhắc nhở mọi người đeo khẩu trang trong bệnh viện nếu gặp người bệnh, người nhà người bệnh không tuân thủ.	1	1
TC 3.2	Mức độ tuân thủ việc đeo khẩu trang (5điểm) * (cho điểm theo kết quả đánh giá các mức độ tuân thủ khác nhau: 90% người bệnh tuân thủ được 1 điểm, 10% người bệnh còn lại tuân thủ được thêm 1 điểm; 100% được 1+1 = 2 điểm)	5	5
1	100% nhân viên tại các khu vực có tiếp xúc người bệnh.	1	1
2	≥ 90% người bệnh khi đến khám bệnh.	1	1
3	100% người bệnh khi đến khám bệnh.	1	1
4	≥ 90% người nhà người bệnh và khách thăm.	1	1
5	100% người nhà người bệnh và khách thăm.	1	1
TC 3.3	Vệ sinh tay trong bệnh viện (5điểm) *	5	5
1	Những vị trí rửa tay bằng nước luôn sẵn có xà phòng.	1	1
2	Có khăn lau dùng 1 lần tại những vị trí rửa tay bằng nước.	1	1
3	Những vị trí đông người (sảnh chờ...), vị trí có nhiều người qua lại (cổng, cửa, cầu thang, hành lang...) đều được lắp đặt bình chứa dung dịch nước sát khuẩn tay nhanh.	1	1
4	Có phân công bộ phận kiểm tra thường xuyên các bình chứa bảo đảm cung cấp đầy đủ, thường xuyên dung dịch nước sát khuẩn tay nhanh.	1	1
5	Những vị trí có nhiều người qua lại như cổng, cửa ở tiền sảnh có lắp đặt bình chứa dung dịch nước sát khuẩn tay nhanh loại cảm ứng tự động.	1	1
CHƯƠNG 4	SÀNG LỌC VÀ PHÂN LUỒNG (5 TC)	19	19
TC 4.1	Biển báo sàng lọc, phân luồng (4điểm) *	4	4

1	Có hệ thống, chỉ dẫn, biển báo về sàng lọc, phân luồng người đến BV.	1	1
2	Có biển báo tại các cổng tiếp nhận người bệnh có ghinội dung sau: <i>“Hướng đi dành cho người bị ho, sốt, chảy mũi, đau rát họng, tức ngực, khó thở, đau mắt người, mất vị giác khứu giác”</i> (hoặc các dấu hiệu phù hợp với các bệnh viêm đường hô hấp khác).	1	1
3	Có biển báo, chỉ dẫn đầy đủ ở các vị trí cần hướng dẫn sàng lọc, phân luồng và tại các điểm giao cắt.	1	1
4	Biển báo được chiếu sáng nhìn rõ nội dung vào buổi tối, đêm.	1	1
TC 4.2	Hệ thống phân luồng cho người đi khám (4 điểm) *	3	3
1	Có tiến hành phân luồng người đến khám bệnh.	1	1
2	Người có nguy cơ được bố trí đi cổng riêng, có lối đi phân luồng riêng dành cho đối tượng nguy cơ.	1	1
3	Lối đi phân luồng dành cho đối tượng nguy cơ không đi xuyên qua hoặc đi dọc hành lang các tòa nhà có đông người.	1	1
TC 4.3	Buồng khám và khu vực khám sàng lọc (5 điểm) *	6	6
1	Có buồng khám sàng lọc.	1	1
2	Buồng khám sàng lọc tách biệt hẳn với khu vực điều trị nội trú hoặc nơi tập trung đông người, thông khí tốt.	1	1
3	Buồng khám sàng lọc có chuẩn bị sẵn phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
4	Buồng khám sàng lọc có bồn rửa tay.	1	1
5	Buồng khám sàng lọc có phương tiện để xét nghiệm sàng lọc (ví dụ test nhanh kháng nguyên).	1	1
6	Khu vực khám sàng lọc có buồng đệm và nhà vệ sinh.	1	1
TC 4.4	Xử trí ca bệnh cấp cứu (3 điểm)*	3	3
1	Bố trí người bệnh cấp cứu mới chuyển đến tại khu vực có vách hoặc rèm che ngăn cách với người bệnh cấp cứu khác, hạn chế tối đa nguy cơ lây nhiễm chéo.	1	1
2	Bố trí người bệnh cấp cứu mới chuyển đến tại buồng cấp cứu riêng biệt, hạn chế tối đa nguy cơ lây nhiễm chéo.	1	1
3	Không để việc sàng lọc và xét nghiệm SARS-CoV-2 ảnh hưởng tới việc xử trí cấp cứu người bệnh.	1	1
TC 4.5	Buồng cách ly cho ca bệnh nghi ngờ (3 điểm) *	3	3
1	Có buồng cách ly thông khí tốt, không sử dụng chung hệ thống điều hòa trung tâm.	1	1
2	Buồng cách ly thông khí tốt, tách biệt hẳn với khu vực điều trị nội trú hoặc tập trung đông người.	1	1
3	Buồng cách ly thông khí tốt có đủ phòng đệm, bồn rửa tay, nhà vệ sinh.	1	1
CHƯƠNG 5	PHÒNG NGỪA LÂY NHIỄM TẠI MỘT SỐ KHU VỰC TẬP TRUNG ĐÔNG NGƯỜI (10 TC)	40	30
TC 5.1	Áp dụng công nghệ thông tin trong đặt lịch hẹn khám (4 điểm)*	4	4
1	Có bộ phận nhận đặt lịch hẹn khám bằng điện thoại.	1	1
2	Có đặt lịch hẹn khám qua mạng (website).	1	1
3	Lịch hẹn khám chi tiết chính xác theo khung giờ tối đa 30 phút và có thông báo rõ ràng cho người bệnh khi đặt lịch hẹn.	1	1

4	Có bộ phận tiếp nhận, xử lý người đến khám theo hẹn đúng giờ	1	1
TC 5.2	Khu vực chờ, xếp hàng khám bệnh (3điểm) *	3	2
1	Có giải pháp tăng cường thông khí tại khu vực chờ (mở thêm cửa sổ tận dụng thông khí tự nhiên, lắp đặt thêm quạt thông gió...).	1	1
2	Các ghế ngồi chờ khám được bố trí với mật độ thông thoáng; ghế ngồi chờ bố trí phù hợp với tình hình dịch.	1	1
3	Định kỳ đo lường mức độ thông khí (ví dụ đo thể tích khí luân chuyển, đo phân áp CO2...) tại khu vực phòng chờ và đánh giá hiệu quả các biện pháp tăng cường thông khí.	1	0
TC 5.3	Hoạt động lấy mẫu xét nghiệm chung (5điểm) *	5	5
1	Phòng lấy mẫu bảo đảm thông khí tốt, làm sạch các bề mặt bằng dung dịch khử khuẩn phù hợp hàng ngày.	1	1
2	Thực hiện đúng quy định giãn cách khi lấy mẫu xét nghiệm theo tình hình dịch.	1	1
3	Bố trí riêng rẽ khu vực lấy các loại mẫu bệnh phẩm khác nhau.	1	1
4	Nhân viên lấy mẫu rửa tay (và thay găng tay nếu cần sử dụng găng tay) ngay sau lấy mẫu cho mỗi người bệnh.	1	1
5	Nhân viên y tế trực tiếp tiếp xúc người nghi nhiễm bệnh đường hô hấp khi lấy mẫu được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
TC 5.4	Chẩn đoán hình ảnh (4điểm) *	4	4
1	Phòng chụp bảo đảm thông khí tốt, làm sạch các bề mặt bằng dung dịch khử khuẩn phù hợp hàng ngày.	1	1
2	Có hướng dẫn và không để 2 người bệnh đồng thời vào một buồng chụp X quang, CT, MRI hoặc siêu âm.	1	1
3	Bố trí buồng chụp X quang, CT, MRI và siêu âm riêng cho những người đến khám nghi viêm đường hô hấp cấp tính. Nếu sử dụng chung buồng chụp X quang, CT, MRI và siêu âm thì thực hiện khử khuẩn các bề mặt theo quy định sau mỗi lần sử dụng.	1	1
4	Nhân viên y tế trực tiếp tiếp xúc người nghi viêm đường hô hấp cấp tính khi làm chẩn đoán hình ảnh được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
TC 5.5	Thăm dò chức năng (4điểm) *	4	3
1	Phòng thăm dò chức năng bảo đảm thông khí tốt, làm sạch các bề mặt bằng dung dịch khử khuẩn phù hợp hàng ngày.	1	1
2	Có hướng dẫn và không để 2 người bệnh đồng thời vào một phòng thăm dò chức năng.	1	1
3	Nhân viên y tế trực tiếp tiếp xúc người nghi viêm đường hô hấp cấp tính khi làm thăm dò chức năng, người thực hiện các thăm dò có sinh khí dung như nội soi phế quản được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân theo quy định.	1	1
4	Bố trí riêng rẽ khu vực thực hiện từng loại thăm dò chức năng không xâm nhập và xâm nhập, trong đó tách riêng thủ thuật sinh khí dung như nội soi phế quản.	1	0
TC 5.6	Nhà thuốc (4điểm) *	4	3
1	Khu vực nhà thuốc bảo đảm thông thoáng, thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo (quạt gió...).	1	1
2	Có dung dịch sát khuẩn tay cho khách hàng đến quầy thuốc.	1	1
3	Có tấm ngăn giữa nhân viên nhà thuốc và khách hàng.	1	1

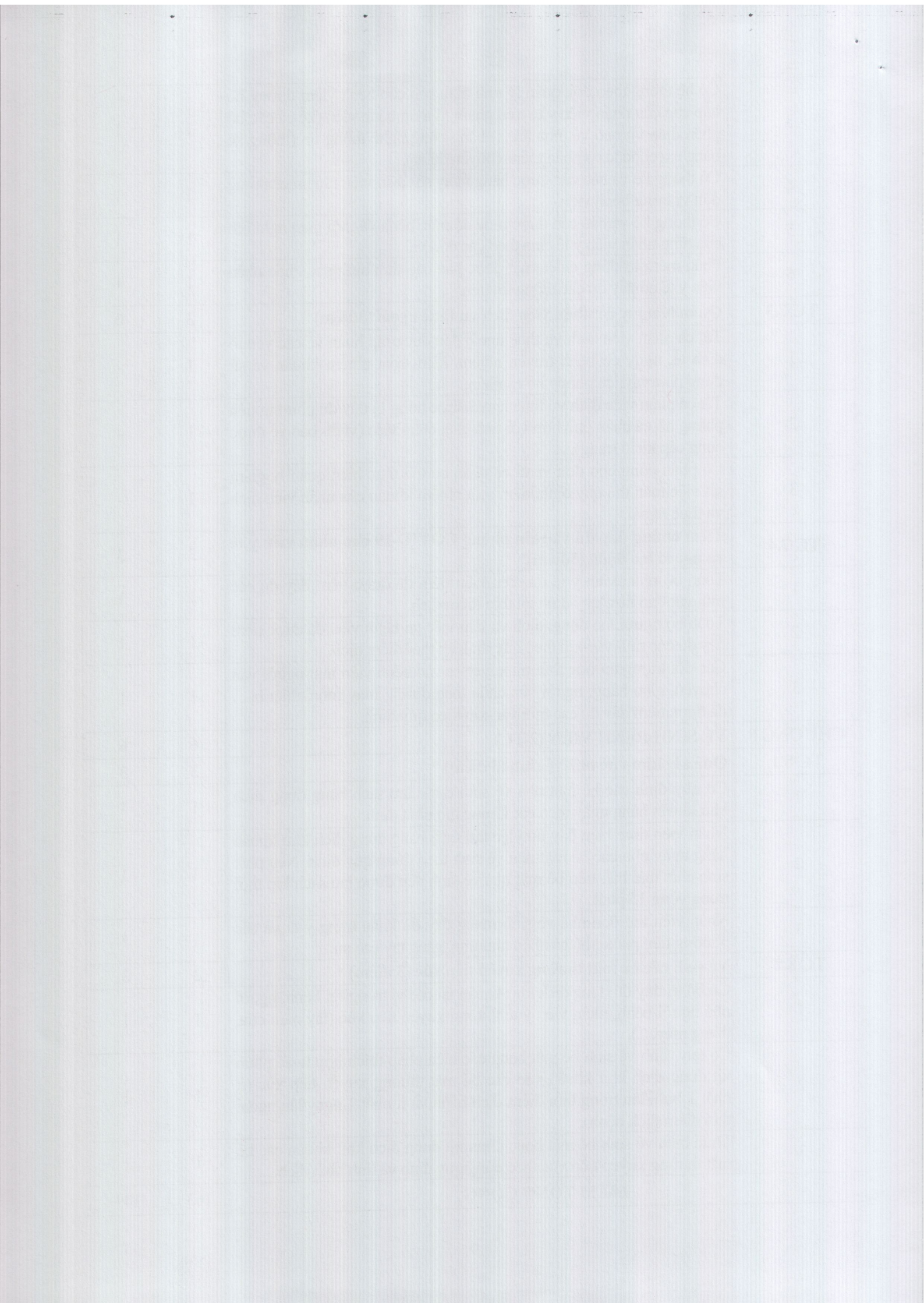
4	Thường xuyên duy trì sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (sẵn sàng có phương án kỹ thuật dự phòng nếu gặp sự cố).	1	0
TC 5.7	Quầy bán hàng (không áp dụng đối với bệnh viện không có quầy bán hàng) (4điểm)	4	0
1	Khu vực quầy bán hàng bảo đảm thông thoáng, thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo (quạt gió...).	1	-
2	Có dung dịch sát khuẩn tay cho khách hàng đến quầy bán hàng.	1	-
3	Có tấm ngăn giữa nhân viên và khách hàng tại khu vực quầy.	1	-
4	Thường xuyên duy trì sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (sẵn sàng có phương án kỹ thuật dự phòng nếu gặp sự cố).	1	-
TC 5.8	Nhà ăn, căng-tin (không áp dụng đối với bệnh viện không có nhà ăn, căng-tin) (8điểm)	8	5
1	Có bồn rửa tay ngay bên ngoài hoặc trong nhà ăn, căng-tin; có xà-phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay.	1	1
2	Có phục vụ các suất ăn đóng gói cho khách mang về.	1	1
3	Các bàn ăn và chỗ ngồi được bố trí thông thoáng theo tình hình dịch, có thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo (quạt gió...).	1	0
4	Các bề mặt nhà ăn cần lau sạch hằng ngày bằng dung dịch khử khuẩn.	1	1
5	Có vách ngăn (bằng kính, mi-ca hoặc nhựa...) giữa các bàn ăn theo tình hình dịch.	1	1
6	Có tấm ngăn giữa nhân viên và khách hàng.	1	0
7	Thực phẩm sau khi chế biến được đặt trong tủ hoặc có vách ngăn, không để người mua tiếp xúc trực tiếp.	1	1
8	Thường xuyên duy trì sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (sẵn sàng có phương án kỹ thuật dự phòng nếu gặp sự cố).	1	0
TC 5.9	Quầy thu viện phí và thanh toán BHYT (4điểm) *	4	4
1	Khu vực quầy thu viện phí và BHYT bảo đảm thông thoáng, thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo.	1	1
2	Có dung dịch sát khuẩn tay cho người nộp tiền.	1	1
3	Có tấm ngăn giữa nhân viên thu viện phí, thanh toán BHYT và người nộp tiền.	1	1
4	Thường xuyên duy trì sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (sẵn sàng có phương án kỹ thuật dự phòng nếu gặp sự cố).	1	1
CHƯƠNG 6	QUẢN LÝ, ĐIỀU TRỊ AN TOÀN NGƯỜI BỆNH (10 TC)	47	46
TC 6.1	Xây dựng các quy trình liên quan quản lý người bệnh COVID-19 (5điểm) *	5	5
1	Xây dựng hướng dẫn quản lý người bệnh và nhân viên viên mắc COVID-19 dựa trên hướng dẫn của Bộ Y tế.	1	1
2	Hướng dẫn của bệnh viện được cập nhật kịp thời theo các hướng dẫn mới ban hành.	1	1
3	Có xây dựng và cập nhật quy trình tiếp nhận, xử lý và chuyển viện người bệnh COVID-19.	1	1
4	Có xây dựng quy trình chuyển người bệnh COVID-19 nội viện giữa các khoa phòng và các khoa cận lâm sàng, phẫu thuật... bảo đảm hạn chế tối đa lây nhiễm.	1	1

5	Có sơ đồ cụ thể hướng dẫn chuyển người bệnh COVID-19 nội viện giữa các khoa phòng và các khoa cận lâm sàng, phẫu thuật... Có vẽ và mô tả rõ luồng di chuyển người bệnh.	1	1
TC 6.2	Quản lý người chăm sóc người bệnh (3điểm) *	3	3
1	Có quy định hạn chế số lượng người chăm sóc người bệnh theo tình hình dịch.	1	1
2	Có quy định theo dõi, phát hiện các vấn đề sức khỏe bất thường của người chăm sóc người bệnh.	1	1
3	Có nơi lưu trú cho người chăm sóc người bệnh trong khuôn viên bệnh viện.	1	1
TC 6.3	Bố trí địa điểm cách ly, điều trị cho người nghi nhiễm COVID-19 (4điểm) *	4	4
1	Toàn bộ khoa lâm sàng bố trí sẵn sàng ít nhất 1 buồng cách ly tạm thời theo quy định.	1	1
2	Bệnh viện sẵn sàng có khu vực cách ly riêng biệt hoặc khoa điều trị riêng cho các ca COVID-19 hoặc dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
3	Có các máy thăm dò chức năng, chẩn đoán hình ảnh di động (siêu âm, điện tim, X quang...) dành riêng cho khu điều trị COVID-19 hoặc người nghi nhiễm.	1	1
4	Xây dựng phương án và bố trí được đủ nhân lực làm việc tại các địa điểm cách ly, điều trị cho người nghi nhiễm COVID-19.	1	1
TC 6.4	Vận chuyển người bệnh trong bệnh viện (5điểm)*	5	5
1	Có bố trí ít nhất 1 xe lăn dành cho người nghi nhiễm/người nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp, xe lăn có đánh dấu, ghi chữ rõ ràng để phân biệt và 1 xe lăn dành cho người bệnh khác.	1	1
2	Có bố trí ít nhất 1 cáng có bánh xe dành cho người nghi nhiễm/người nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp, cáng có đánh dấu, ghi chữ rõ ràng để phân biệt và 1 cáng có bánh xe dành cho người bệnh khác.	1	1
3	Có khu vực để xe lăn/cáng có bánh xe riêng và ghi rõ: “khu vực để phương tiện vận chuyển phục vụ người nghi nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp”. Xe lăn không phục vụ đối tượng khác.	1	1
4	Có quy trình khử khuẩn sau mỗi lần sử dụng phương tiện. Các phương tiện vận chuyển người bệnh sau khi kết thúc sử dụng phải xử lý ngay theo đúng quy trình trước khi sử dụng cho người bệnh tiếp theo.	1	1
5	Nhân viên y tế tham gia vận chuyển người bệnh được trang bị đủ phương tiện phòng hộ cá nhân; trình bày và thực hành đúng quy trình xử lý khử khuẩn phương tiện vận chuyển người bệnh.	1	1
TC 6.5	Bố trí buồng bệnh điều trị nội trú tại các khoa (4điểm) *	4	4
1	Buồng điều trị thông thoáng, tăng cường thông khí (thông khí tự nhiên như mở cửa sổ nhưng không mở ra hành lang, lối đi, thông khí nhân tạo như quạt gió...).	1	1
2	Trong mỗi buồng bệnh lắp đặt cố định ít nhất 1 bình xịt cồn sát khuẩn tay nhanh, bảo đảm luôn có dung dịch cồn sát khuẩn trong bình.	1	1
3	Khoảng cách giữa các giường ít nhất 1m, không nằm ghép; khoảng cách giữa các giường ít nhất 2m theo mức độ dịch tăng.	1	1
4	Có rèm che bằng vật liệu chống thấm ngăn cách giữa các giường bệnh trong toàn bộ các buồng bệnh.	1	1
TC 6.6	Chăm sóc người bệnh nội trú (5điểm) *	5	5

1	Nhân viên y tế được cấp phát đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp khi điều trị, chăm sóc người bệnh nghi nhiễm COVID-19 hoặc các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
2	Bố trí người bệnh có bệnh đường hô hấp ở những buồng bệnh riêng, hạn chế tối đa 2 giường bệnh trong các buồng bệnh điều trị người bệnh có bệnh đường hô hấp.	1	1
3	Triển khai chăm sóc toàn diện người bệnh ít nhất tại các khoa hồi sức cấp cứu và khoa hô hấp, hạn chế việc yêu cầu người nhà người bệnh cùng chăm sóc.	1	1
4	Triển khai chăm sóc toàn diện cho toàn bộ người bệnh chăm sóc cấp I tại toàn bộ các khoa.	1	1
5	Triển khai chăm sóc toàn diện cho toàn bộ người bệnh tại bệnh viện.	1	1
TC 6.7	Quản lý người bệnh nội trú (6điểm) *	6	6
1	Có xây dựng kế hoạch cụ thể bảo vệ người bệnh có nguy cơ cao tại các khoa như hồi sức tích cực, đột quy, lọc máu thận nhân tạo, hậu phẫu và các khoa nguy cơ cao theo đặc thù bệnh viện.	1	1
2	Đã triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo kế hoạch như chăm sóc toàn diện cho các đối tượng nguy cơ cao, chỉ định xét nghiệm COVID-19 trong trường hợp phát hiện các dấu hiệu bất thường.	1	1
3	Yêu cầu người bệnh thông báo ngay khi mới xuất hiện biểu hiện viêm đường hô hấp.	1	1
4	Yêu cầu người bệnh thông báo ngay khi biết người nhà người bệnh được chẩn đoán COVID-19 hoặc các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
5	Bảo đảm quản lý chặt chẽ người bệnh tại các khoa điều trị, không phát hiện thấy có người bệnh viêm đường hô hấp cấp đi lại tự do trong và ngoài bệnh viện.	1	1
6	Bảo đảm cung cấp suất ăn, nước uống đầy đủ cho người bệnh viêm đường hô hấp cấp tại các khoa trong quá trình nằm viện.	1	1
TC 6.8	Tăng cường năng lực hồi sức cấp cứu người bệnh COVID-19 (5điểm) *	5	5
1	Có ít nhất 2 bác sỹ và 2 điều dưỡng có chứng chỉ hồi sức tích cực	1	1
2	Có ít nhất 5 giường bệnh hồi sức tích cực có đầy đủ ô-xy trung tâm, khí nén, hút (điều trị chung các bệnh).	1	1
3	Có kế hoạch và sẵn sàng chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực thành lập đơn nguyên hồi sức tích cực dành riêng cho người bệnh COVID-19.	1	1
4	Có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và sẵn sàng chuẩn bị thiết lập khoa/trung tâm hồi sức tích cực điều trị người bệnh COVID-19 nặng trong các tình huống dịch.	1	1
5	Đã thành lập khoa/trung tâm hồi sức tích cực và điều trị thành công cho người bệnh COVID-19 nặng.	1	1
TC 6.9	Tăng cường hoạt động tư vấn và khám, chữa bệnh từ xa (6điểm)*	6	6
1	Thiết lập và ban hành quy chế hoạt động đường dây nóng tư vấn về COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác cho người dân.	1	1
2	Lập kế hoạch và thực hiện định kỳ hội chẩn, thảo luận ca bệnh trực tuyến với các bệnh viện khác.	1	1

3	Bảo đảm tất cả các trường hợp người bệnh chuyển đến/chuyển đi đều được thảo luận và thông báo trước qua điện thoại hoặc ứng dụng công nghệ thông tin cho cơ sở chuyển đi/chuyển đến.	1	1
4	Lập kế hoạch và thành lập bộ phận/đơn vị phụ trách khám, chữa bệnh từ xa.	1	1
5	Triển khai, duy trì hoạt động thường xuyên bộ phận/đơn vị phụ trách khám, chữa bệnh từ xa cho tối thiểu 2 đối tượng (ví dụ người bệnh mạn tính đang được quản lý tại BV).	1	1
6	Đã kết nối mạng hội chẩn, khám, chữa bệnh từ xa với BV tuyến trên, tuyến dưới và BHYT bằng cầu truyền hình hội nghị băng thông rộng tốc độ cao, bảo đảm sẵn sàng tham dự các cuộc họp, tập huấn, hội chẩn...do BHYT, Sở Y tế tổ chức.	1	1
TC. 6.10	Áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin và camera để theo dõi và quản lý người bệnh, người nhà người bệnh (4điểm)	4	3
1	Có bố trí camera theo dõi tại toàn bộ các vị trí bao gồm: cổng chính và các vị trí có người vào – ra khuôn viên bệnh viện, tại các vị trí cửa vào – ra các khối nhà. Dữ liệu được lưu ít nhất từ 15 ngày trở lên.	1	1
2	Có bố trí camera theo dõi tại toàn bộ các sảnh chờ, nơi có nhiều người qua lại. Dữ liệu được lưu từ 7 ngày trở lên.	1	1
3	Có bố trí camera tại các hành lang khoa khám bệnh, khoa điều trị nội trú, dữ liệu được lưu ít nhất từ 15 ngày trở lên.	1	1
4	Áp dụng trí tuệ nhân tạo AI trong quản lý và theo dõi nhận dạng; có khả năng truy vết một người bất kỳ trong thời gian dưới 1 phút toàn bộ hành trình đi lại trong bệnh viện trong vòng 15 ngày, vẽ được sơ đồ di chuyển qua các khoa/phòng và việc tiếp xúc với mọi người.	1	0
CHƯƠNG 7	QUẢN LÝ AN TOÀN NHÂN VIÊN Y TẾ (4 TC)	16	13
TC 7.1	Hội chẩn giữa các khoa, họp liên khoa và giao ban bệnh viện (4điểm) *	4	4
1	Có quy trình hội chẩn giữa các khoa, họp liên khoa và giao ban bệnh viện trong tình huống phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
2	Có quy định hình thức giao ban, hội chẩn, họp trực tuyến trong tình huống phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
3	Có đầy đủ thiết bị hình ảnh, âm thanh, đường truyền... phục vụ hình thức giao ban, hội chẩn, họp trực tuyến tại các khoa, phòng liên quan. Các thiết bị bảo đảm hoạt động tốt và trong trạng thái sẵn sàng kích hoạt.	1	1
4	Nhân viên bệnh viện thực hiện hội chẩn giữa các khoa, họp liên khoa và giao ban bệnh viện theo quy trình đã được bệnh viện phê duyệt, trong đó sử dụng hình thức giao tiếp trực tuyến trong bối cảnh có nguy cơ dịch bệnh.	1	1
TC 7.2	Quản lý sức khỏe nhân viên y tế (6điểm) *	6	6
1	Có quy định yêu cầu nhân viên y tế tự giác theo dõi sức khỏe bản thân, gia đình và các triệu chứng bệnh đường hô hấp. Khi xuất hiện triệu chứng viêm đường hô hấp cấp, nhân viên y tế báo cáo ngay với người quản lý trực tiếp.	1	1
2	Nhân viên y tế có triệu chứng viêm đường hô hấp cấp được khám sàng lọc COVID-19 hoặc các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1

3	Có hệ thống theo dõi, quản lý tình hình báo cáo bệnh viêm đường hô hấp cấp của nhân viên y tế trên phạm vi toàn bệnh viện (kể cả các bộ phận dịch vụ bảo vệ, nhà ăn...) bằng công nghệ thông tin (thống kê bằng excel hoặc có phần mềm chuyên dụng).	1	1
4	Có thống kê và báo cáo được hằng ngày số nhân viên nhiễm của từng đơn vị trong bệnh viện.	1	1
5	Có thống kê và báo cáo được mức độ mắc bệnh và thời gian nghỉ ốm của từng nhân viên y tế chia theo các đơn vị.	1	1
6	Phần mềm tự động chiết xuất được báo cáo tình hình sức khỏe nhân viên y tế có đầy đủ các thông tin trên.	1	1
TC 7.3	Quản lý nguy cơ nhân viên dịch vụ thuê ngoài (3điểm) *	3	0
1	Tất cả nhân viên dịch vụ thuê ngoài đều được tập huấn về các yếu tố dịch tễ, nguy cơ bệnh truyền nhiễm, kiểm soát nhiễm khuẩn và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	-
2	Tất cả nhân viên dịch vụ thuê ngoài được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp với tính chất công việc (ví dụ bảo vệ được cung cấp khẩu trang).	1	-
3	Có phân công cho đơn vị và cá nhân cụ thể thực hiện quản lý giám sát việc tuân thủ quy định kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên dịch vụ thuê ngoài.	1	-
TC 7.4	Tiêm chủng đầy đủ vắc-xin phòng COVID-19 cho nhân viên y tế và người lao động (3điểm)*	3	3
1	Toàn bộ nhân viên y tế đủ điều kiện tiêm đã được tiêm đầy đủ các mũi vắc-xin theo quy định tại thời điểm dịch.	1	1
2	Toàn bộ người lao động, dịch vụ làm việc tại bệnh viện đã được tiêm đầy đủ các mũi vắc-xin theo quy định tại thời điểm dịch.	1	1
3	Các đối tượng thường xuyên xuyên ra vào bệnh viện như người vận chuyển, giao hàng, người sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị... đã được tiêm đầy đủ các mũi vắc-xin theo quy định.	1	1
CHƯƠNG 8	VỆ SINH BỆNH VIỆN (2 TC)	6	6
TC 8.1	Quản lý khu vực nhà vệ sinh (3 điểm) *	3	3
1	Có quy định các bề mặt nhà vệ sinh được lau sạch bằng dung dịch khử khuẩn hàng ngày theo các khung giờ nhất định.	1	1
2	Nhân viên thực hiện đầy đủ việc lau sạch bằng dung dịch khử khuẩn hàng ngày cho các bề mặt nhà vệ sinh theo đúng quy định. Nếu phát sinh chất thải bẩn trên bề mặt nhà vệ sinh đều được lau sạch kịp thời trong vòng 15 phút.	1	1
3	Nhân viên thu dọn nhà vệ sinh mang đầy đủ khẩu trang y tế và các phương tiện phòng hộ cá nhân như ủng, găng tay cao su...	1	1
TC 8.2	Vệ sinh các bề mặt thường xuyên tiếp xúc (3 điểm) *	3	3
1	Có bố trí đầy đủ dung dịch khử khuẩn tại các vị trí người bệnh, người nhà người bệnh, nhân viên y tế thường xuyên tiếp xúc (tay nắm cửa, thang máy...).	1	1
2	Có quy định vệ sinh bề mặt bằng các biện pháp thích hợp hoặc phun xịt dung dịch khử khuẩn vào các bề mặt thường xuyên tiếp xúc (ít nhất 1 buổi/lần trong thời điểm dịch bệnh và ít nhất 1 ngày/lần ngoài thời điểm dịch bệnh).	1	1
3	Thực hiện vệ sinh bề mặt hoặc phun xịt dung dịch khử khuẩn các bề mặt thường xuyên tiếp xúc theo đúng quy định và tình hình dịch.	1	1
ĐIỂM TỔNG CỘNG		163	149



BẢNG TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM

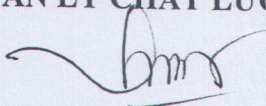
Kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát HLNB, NVYT năm 2022-2023
(Thực hiện Quyết định số 3186/QĐ-BYT ngày 29/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc
ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người
bệnh, nhân viên y tế năm 2022)

A. THÔNG TIN CHUNG

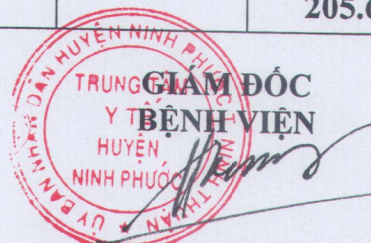
CƠ SỞ Y TẾ: Trung tâm Y tế Ninh Phước

Kiểu đánh giá: Bệnh viện tự đánh giá năm 2022	Lần thứ: 1	
B. KẾT QUẢ KIỂM TRA		
Mục điểm	Điểm	Điểm có hệ số
1. Thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện	20	20
2. Đánh giá bộ tiêu chí chất lượng	3.3556	100.668
3. Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế		
3.1. Tỷ lệ % hài lòng người bệnh Nội trú Số phiếu của đoàn đánh giá nội bộ đưa vào phân tích: 30	85.3635	8.536
3.2. Tỷ lệ % hài lòng người bệnh Ngoại trú Số phiếu của đoàn đánh giá nội bộ đưa vào phân tích: 30	82.4324	8.243
3.3. Tỷ lệ % hài lòng Nhân viên Số phiếu của đoàn đánh giá nội bộ đưa vào phân tích: 30	86.9394	8.694
4. Kiểm tra công tác an toàn phòng chống dịch COVID-19		
4.1. Có rà soát đánh giá và nhập số liệu trên phần mềm trực tuyến ít nhất 6 lần trong năm	10	10
4.2. Kết quả đánh giá theo Bộ tiêu chí bệnh viện an toàn	149	9.551
* Số điểm không áp dụng	7	
5. Kiểm tra công tác cấp cứu, hồi sức tích cực người bệnh COVID-19 và người bệnh khác		
5.1. Có ít nhất 2 bác sỹ được đào tạo về hồi sức tích cực từ 3 tháng trở lên	0	0
5.2. Có khoa hồi sức tích cực hoặc thành lập mới đơn vị (khoa, trung tâm) hồi sức tích cực theo Đề án 3616. Đơn vị có ít nhất 3 bác sỹ chuyên khoa cấp cứu, hồi sức tích cực trở lên	0	0
6. Áp dụng CNTT trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng KCB	20	20
7. Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước	0	0
KẾT QUẢ ĐIỂM CHUNG		205.693

TRƯỞNG PHÒNG/PHỤ TRÁCH
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



Thọ Trường Anh



Quảng Đại Hương

